



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Pháp luật - MH1109015

Mã lớp học phần: MH110901502

Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Võ Văn Nhân - (07026)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010130022	Lê Thị Lan Anh	30/09/2002		10.0	mười	C22TA1	
2	2010130054	Nguyễn Huỳnh Anh	15/02/2001		0.0	không	C22TA2	
3	2010130013	Nguyễn Thị Minh Anh	09/05/2002		10.0	mười	C22TA1	
4	2010130015	Hồng Văn Chiến	20/06/2002		10.0	mười	C22TA1	
5	2010130021	Quách Gia Dĩ	11/11/2002		10.0	mười	C22TA1	
6	2010130035	Lê Đình Tiến Đạt	29/09/2002		5.0	năm	C22TA1	
7	2010130002	Trần Hữu Đức	04/01/2000		5.0	năm	C22TA1	
8	2010130034	Phạm Thị Thu Hà	05/02/2000		5.0	năm	C22TA2	
9	2010130039	Hà Lê Ngọc Hân	05/10/2001		5.0	năm	C22TA2	
10	2010130041	Võ Thị Hồng Huệ	03/07/2002		5.0	năm	C22TA2	
11	2010130037	Nguyễn Thị Như Huyền	07/03/2002		5.0	năm	C22TA2	
12	2010130028	Bảo Khôi	25/08/1999		5.0	năm	C22TA2	
13	2010130049	Hoàng Đăng Khôi	27/12/2000		5.0	năm	C22TA2	
14	2010130042	Nguyễn Hoàng Khương	23/12/2001		10.0	mười	C22TA2	
15	2010130011	Nguyễn Tuấn Kiệt	08/08/2002		5.0	năm	C22TA1	
16	2010130030	Nguyễn Trần Long Kim	02/08/2002		5.0	năm	C22TA2	
17	2010130003	Phan Nguyễn Trúc Linh	16/12/2000		10.0	mười	C22TA1	
18	2010130019	Phan Thị Chúc Linh	20/11/2000		10.0	mười	C22TA1	
19	2010130018	Nguyễn Thị Thu Mai	18/02/2002		10.0	mười	C22TA1	
20	2010130032	Nguyễn Thị Trúc Mai	25/06/2002		5.0	năm	C22TA2	
21	2010130052	Nguyễn Quỳnh Phương Nghi	23/09/2002		5.0	năm	C22TA2	
22	2010130001	Trần Trọng Nghĩa	24/02/1999		5.0	năm	C22TA1	
23	2010130027	Huỳnh Hiếu Nhi	09/03/2002		10.0	mười	C22TA2	
24	2010130051	Huỳnh Ngọc Yến Nhi	23/09/2002		5.0	năm	C22TA2	
25	2010130010	Phạm Thị Nguyệt Nhi	13/07/2001		5.0	năm	C22TA1	
26	2010130023	Võ Minh Phúc	11/08/2001		5.0	năm	C22TA1	
27	2010130020	Nguyễn Trương Kim Phước	26/09/2002		10.0	mười	C22TA1	
28	2010130008	Nguyễn Hoàng Kim Quyên	17/11/1996		10.0	mười	C22TA1	
29	2010130024	Ngô Lê Tâm	12/04/2002		10.0	mười	C22TA1	
30	2010130007	Trần Minh Tâm	19/02/2001		0.0	không	C22TA1	
31	2010130014	Nguyễn Ngọc Thanh Thảo	16/11/2002		0.0	không	C22TA1	
32	2010130006	Võ Lâm Phương Thảo	25/07/1999		0.0	không	C22TA1	
33	2010130048	Nguyễn Thị Hồng Thắm	19/05/2002		10.0	mười	C22TA2	
34	2010130031	Hoàng Thị Yến Thi	30/05/2002		5.0	năm	C22TA2	
35	2010130026	Nguyễn Văn Long Thịnh	03/09/2002		10.0	mười	C22TA1	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
36	2010130004	Võ Duy Toàn	01/03/2001				C22TA1	
37	2010130036	Đinh Vũ Thùy Trang	01/08/2002		5.0	năm	C22TA2	
38	2010130016	Nguyễn Thị Quyên Trâm	25/06/2002		10.0	mười	C22TA1	
39	2010130005	Nguyễn Ngọc Tuyết	13/10/2001		5.0	năm	C22TA1	
40	2010130050	Huỳnh Trần Thái Uyên	13/04/2002		5.0	năm	C22TA2	
41	2010130045	Lê Anh Vy	15/06/2002		10.0	mười	C22TA2	
42	2010130044	Lê Thảo Vy	15/06/2002		10.0	mười	C22TA2	
43	2010130009	Trần Phi Yến	15/09/2001		10.0	mười	C22TA1	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : _____ vắng thi: _____. Số bài thi: _____ / _____.

Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____ Tỷ lệ đạt: _____, _____ %

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)



Ngày.....tháng.....năm.....

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Võ Văn Nhân

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Pháp luật - MH1109015

Mã lớp học phần: MH110901502

Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Võ Văn Nhân - (07026)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010130022	Lê Thị Lan Anh	30/09/2002		4.0	bốn	C22TA1	
2	2010130054	Nguyễn Huỳnh Anh	15/02/2001		5.0	năm	C22TA2	
3	2010130013	Nguyễn Thị Minh Anh	09/05/2002		6.0	sáu	C22TA1	
4	2010130015	Hồng Văn Chiên	20/06/2002		5.0	năm	C22TA1	H
5	2010130021	Quách Gia Dĩ	11/11/2002		5.0	năm	C22TA1	
6	2010130035	Lê Đình Tiến Đạt	29/09/2002		6.0	sáu	C22TA1	
7	2010130002	Trần Hữu Đức	04/01/2000		3.0	ba	C22TA1	
8	2010130034	Phạm Thị Thu Hà	05/02/2000		5.0	năm	C22TA2	
9	2010130039	Đinh Lê Ngọc Trân	05/10/2001		5.0	năm	C22TA2	
10	2010130041	Võ Thị Hồng Huệ	03/07/2002		6.0	sáu	C22TA2	
11	2010130037	Nguyễn Thị Như Huyền	07/03/2002		9.0	chín	C22TA2	
12	2010130028	Bao Khôi	25/08/1999		6.0	sáu	C22TA2	
13	2010130049	Hoàng Đăng Khôi	27/12/2000		6.0	sáu	C22TA2	
14	2010130042	Nguyễn Hoàng Khương	23/12/2001		6.0	sáu	C22TA2	
15	2010130011	Nguyễn Tuấn Kiệt	08/08/2002		7.0	bảy	C22TA1	
16	2010130030	Nguyễn Trần Long Kim	02/08/2002		5.0	năm	C22TA2	
17	2010130003	Phan Nguyễn Trúc Linh	16/12/2000		7.0	bảy	C22TA1	
18	2010130019	Phan Thị Chúc Linh	20/11/2000		9.0	chín	C22TA1	
19	2010130018	Nguyễn Thị Thu Mai	18/02/2002		7.0	bảy	C22TA1	
20	2010130032	Nguyễn Thị Trúc Mai	25/06/2002		6.0	sáu	C22TA2	
21	2010130052	Nguyễn Quỳnh Phương Nghi	23/09/2002		9.0	chín	C22TA2	
22	2010130001	Trần Trọng Nghĩa	24/02/1999		6.0	sáu	C22TA1	
23	2010130027	Huỳnh Hiếu Nhi	09/03/2002		7.0	bảy	C22TA2	
24	2010130051	Huỳnh Ngọc Yến Nhi	23/09/2002		9.0	chín	C22TA2	
25	2010130010	Phạm Thị Nguyệt Nhi	13/07/2001		10.0	mười	C22TA1	không ký tên
26	2010130023	Võ Minh Phúc	11/08/2001		4.0	bốn	C22TA1	
27	2010130020	Nguyễn Trương Kim Phước	26/09/2002		5.0	năm	C22TA1	
28	2010130008	Nguyễn Hoàng Kim Quyên	17/11/1996		7.0	bảy	C22TA1	
29	2010130024	Ngô Lê Tâm	12/04/2002		7.0	bảy	C22TA1	
30	2010130007	Trần Minh Tâm	19/02/2001		5.0	năm	C22TA1	
31	2010130014	Nguyễn Ngọc Thanh Thảo	16/11/2002		7.0	bảy	C22TA1	
32	2010130006	Võ Lâm Phương Thảo	25/07/1999		3.0	ba	C22TA1	
33	2010130048	Nguyễn Thị Hồng Thắm	19/05/2002		9.0	chín	C22TA2	
34	2010130031	Hoàng Thị Yến Thi	30/05/2002		6.0	sáu	C22TA2	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
35	2010130026	Nguyễn Văn Long Thịnh	03/09/2002	<i>Thịnh</i>	6.0	Sáu	C22TA1	
36	2010130004	Võ Duy Toàn	01/03/2001				C22TA1	<i>Cấm thi</i>
37	2010130036	Đinh Vũ Thùy Trang	01/08/2002	<i>Trang</i>	4.0	bốn	C22TA2	
38	2010130016	Nguyễn Thị Quyền Trăm	25/06/2002	<i>Trăm</i>	9.0	chín	C22TA1	
39	2010130005	Nguyễn Ngọc Tuyết	13/10/2001	<i>Tuyết</i>	7.0	bảy	C22TA1	<i>g</i>
40	2010130050	Huỳnh Trần Thái Uyên	13/04/2002	<i>Uyên</i>	9.0	chín	C22TA2	
41	2010130045	Lê Anh Vy	15/06/2002	<i>Vy</i>	6.0	Sáu	C22TA2	
42	2010130044	Lê Thảo Vy	15/06/2002	<i>Vy</i>	6.0	Sáu	C22TA2	
43	2010130009	Trần Phi Yến	15/09/2001	<i>Phi</i>	8.0	tám	C22TA1	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : _____ vắng thi: _____. Số bài thi: _____ / _____.

Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____ Tỷ lệ đạt: _____, _____ %

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)



Ngày...4...tháng...3...năm...2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Võ Văn Nhân



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Pháp luật - MH1109015

Mã lớp học phần: MH110901502

Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Võ Văn Nhân - (07026)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010030029	Trần Ngọc Hoài Bảo	27/04/2002	<i>Bảo</i>	9.0	Chín	C22DDT	
2	2010030013	Ngô Thành Đạt	06/12/2000	<i>Dat</i>	9.0	Chín	C22DDT	
3	2010030015	Trần Võ Trường Giang	08/05/2002	<i>Giang</i>	9.0	Chín	C22DDT	
4	2010030033	Lương Chánh Hưng	21/12/2002	<i>Hung</i>	9.0	Chín	C22DDT	
5	2010030011	Nguyễn Lý Khang	16/03/2002	<i>Khang</i>	9.0	Chín	C22DDT	
6	2010030014	Lê Hoàng Khải	01/11/2002	<i>Khail</i>	8.0	Tám	C22DDT	
7	2010030018	Nguyễn Đông Khoa	19/12/2002	<i>Khoa</i>	6.0	Sáu	C22DDT	
8	2010030007	Võ Tuấn Kiệt	01/07/2002	<i>Kiet</i>	9.0	Chín	C22DDT	
9	2010030026	Trương Quốc Lượng	04/09/2002	<i>Luong</i>	10.0	Mười	C22DDT	
10	2010030017	Nguyễn Trung Nguyên	05/02/2002	<i>Nguyen</i>	8.0	Tám	C22DDT	
11	2010030002	Trần Minh Nhật	13/12/2002	<i>Nhat</i>	10.0	Mười	C22DDT	
12	2010030019	Nguyễn Trường Phi	10/11/2002	<i>Phi</i>	9.0	Chín	C22DDT	
13	2010030008	Trần Hoài Phong	24/04/2002	<i>Phong</i>	9.0	Chín	C22DDT	
14	2010030009	Đặng Văn Quý	01/12/2002	<i>Quy</i>	10.0	Mười	C22DDT	
15	2010030016	Lê Tấn Tài	19/10/2002	<i>Tai</i>	8.0	Tám	C22DDT	
16	2010030027	Nguyễn Tấn Tài	15/01/2002	<i>Tai</i>	6.0	Sáu	C22DDT	
17	2010030010	Đặng Minh Tân	09/08/2002	<i>Tan</i>	8.0	Tám	C22DDT	
18	2010030006	Nguyễn Hoàng Thắng	04/06/2001	<i>Thang</i>	6.0	Sáu	C22DDT	
19	2010030028	Nguyễn Văn Thống	08/02/2002	<i>Thung</i>	10.0	Mười	C22DDT	
20	2010030012	Nguyễn Trọng Tín	29/08/2002	<i>Tin</i>	8.0	Tám	C22DDT	
21	2010030032	Phan Thị Quế Trân	27/10/2002	<i>Tran</i>	6.0	Sáu	C22DDT	
22	2010030031	Lê Quốc Tuấn	04/01/2002	<i>Tuan</i>	8.0	Tám	C22DDT	
23	2010030004	Trần Thiên Tứ	18/10/2002	<i>Tu</i>	5.0	Năm	C22DDT	
24	2010030003	Hồ Phúc Viên	24/04/2002	<i>Vien</i>	6.0	Sáu	C22DDT	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi: _____ vắng thi: _____ . Số bài thi: _____ / _____ .

Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____

Tỷ lệ đạt: _____, _____ %

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Võ Văn Nhân

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Pháp luật - MH1109015

Mã lớp học phần: MH110901502

Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Võ Văn Nhân - (07026)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010030029	Trần Ngọc Hoài Bảo	27/04/2002	<i>Hoài</i>	5.0	<i>nam</i>	C22DDT	
2	2010030013	Ngô Thành Đạt	06/12/2000	<i>Đạt</i>	8.0	<i>không</i>	C22DDT	
3	2010030015	Trần Võ Trường Giang	08/05/2002	<i>g</i>	10.0	<i>mười</i>	C22DDT	
4	2010030033	Lương Chánh Hưng	21/12/2002	<i>Hưng</i>	10.0	<i>mười</i>	C22DDT	
5	2010030011	Nguyễn Lý Khang	16/03/2002	<i>Khang</i>	5.0	<i>nam</i>	C22DDT	
6	2010030014	Lê Hoàng Khải	01/11/2002	<i>Khải</i>	5.0	<i>nam</i>	C22DDT	
7	2010030018	Nguyễn Đông Khoa	19/12/2002	<i>Khoa</i>	10.0	<i>mười</i>	C22DDT	
8	2010030007	Võ Tuấn Kiệt	01/07/2002	<i>Ki</i>	10.0	<i>mười</i>	C22DDT	
9	2010030026	Trương Quốc Lượng	04/09/2002	<i>Quang</i>	10.0	<i>mười</i>	C22DDT	
10	2010030017	Nguyễn Trung Nguyên	05/02/2002	<i>Nguyên</i>	10.0	<i>mười</i>	C22DDT	
11	2010030002	Trần Minh Nhựt	13/12/2002	<i>Nh</i>	10.0	<i>mười</i>	C22DDT	
12	2010030019	Nguyễn Trường Phi	10/11/2002	<i>Phi</i>	10.0	<i>mười</i>	C22DDT	
13	2010030008	Trần Hoài Phong	24/04/2002	<i>Ph</i>	10.0	<i>mười</i>	C22DDT	
14	2010030009	Đặng Văn Quý	01/12/2002	<i>Quý</i>	10.0	<i>mười</i>	C22DDT	
15	2010030016	Lê Tấn Tài	19/10/2002	<i>T</i>	10.0	<i>mười</i>	C22DDT	
16	2010030027	Nguyễn Tấn Tài	15/01/2002	<i>T</i>	5.0	<i>nam</i>	C22DDT	
17	2010030010	Đặng Minh Tân	09/08/2002	<i>T</i>	10.0	<i>mười</i>	C22DDT	
18	2010030006	Nguyễn Hoàng Thắng	04/06/2001	<i>Th</i>	10.0	<i>mười</i>	C22DDT	
19	2010030028	Nguyễn Văn Thống	08/02/2002	<i>Th</i>	10.0	<i>mười</i>	C22DDT	
20	2010030012	Nguyễn Trọng Tín	29/08/2002	<i>T</i>	10.0	<i>mười</i>	C22DDT	
21	2010030032	Phan Thị Quế Trân	27/10/2002	<i>Tr</i>	10.0	<i>mười</i>	C22DDT	
22	2010030031	Lê Quốc Tuấn	04/01/2002	<i>T</i>	5.0	<i>nam</i>	C22DDT	
23	2010030004	Trần Thiên Tứ	18/10/2002	<i>T</i>	5.0	<i>nam</i>	C22DDT	
24	2010030003	Hồ Phúc Viên	24/04/2002	<i>V</i>	5.0	<i>nam</i>	C22DDT	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi: _____ vắng thi: _____ . Số bài thi: _____ / _____ .

Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____

Tỷ lệ đạt: _____, _____ %

Ngày.....tháng.....năm.....

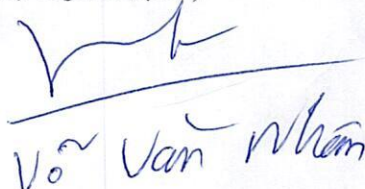
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 4 tháng 3 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



Võ Văn Nhân

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÁN CÔNG CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ: 2 - Năm học 2020-2021

Môn học: Pháp luật

Mã bài thi: Q7HQ1F

Thời gian thi: 05/04/2021 09:30:00

Thời gian kết thúc: 05/04/2021 10:30:00

Giám thị 1: Nguyễn T. Dũng Ký tên: 

Giám thị 2: Châu L. Sơn Ký tên: 

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010030009	Đặng Văn Quý	01/12/2002		4.6	Bốn, sáu	C22DDT	
2	2010130017	Nguyễn Ngọc Thảo Sương	26/05/2002		5.8	Năm, tám	C22TA1	
3	2010030016	Lê Tấn Tài	19/10/2002		4.2	Bốn, hai	C22DDT	
4	2010030027	Nguyễn Tấn Tài	15/01/2002		4.2	Bốn, hai	C22DDT	
5	2010130024	Ngô Lê Tâm	12/04/2002		7.4	Bảy, bốn	C22TA1	
6	2010030010	Đặng Minh Tân	09/08/2002		5.8	Năm, tám	C22DDT	
7	2010130048	Nguyễn Thị Hồng Thắm	19/05/2002		5.8	Năm, tám	C22TA1	
8	2010030006	Nguyễn Hoàng Thắng	04/06/2001		5.6	Năm, sáu	C22DDT	
9	2010130031	Hoàng Thị Yên Thi	30/05/2002		7.2	Bảy, hai	C22TA1	
10	2010130026	Nguyễn Văn Long Thịnh	03/09/2002		5.8	Năm, tám	C22TA1	
11	2010030028	Nguyễn Văn Thông	08/02/2002		6.8	Sáu, tám	C22DDT	
12	2010030012	Nguyễn Trọng Tín	29/08/2002		5.8	Năm, tám	C22DDT	
13	2010130016	Nguyễn Thị Quyền Trâm	25/06/2002		7	Bảy	C22TA1	
14	2010030032	Phan Thị Quế Trân	27/10/2002		5	Năm	C22DDT	
15	2010030004	Trần Thiên Tứ	18/10/2002		3.2	Ba, hai	C22DDT	
16	2010030031	Lê Quốc Tuấn	04/01/2002		4.4	Bốn, bốn	C22DDT	
17	2010130050	Huỳnh Trần Thái Uyên	13/04/2002		5.4	Năm, bốn	C22TA2	
18	2010030003	Hồ Phúc Viên	24/04/2002		6	Sáu	C22DDT	
19	2010130044	Lê Thảo Vy	15/06/2002		8.4	Tám, bốn	C22TA2	
20	2010130045	Lê Anh Vy	15/06/2002		8.2	Tám, hai	C22TA2	
21	2010130009	Trần Phi Yên	15/09/2001		6.2	Sáu, hai	C22TA1	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 21

Số sinh viên đạt: 20

Ngày ____ tháng ____ năm 2021

TRƯỞNG KHOA/PHÒNG

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm 2021

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÁN CÔNG CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ: 2 - Năm học 2020-2021

Môn học: Pháp luật

Mã bài thi: 9KDC8A

Thời gian thi: 05/04/2021 09:30:00

Thời gian kết thúc: 05/04/2021 10:30:00

Giám thị 1: N.T.N.H Ký tên: vt

Giám thị 2: L.T.T.S Ký tên: ah

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010130013	Nguyễn Thị Minh Anh	09/05/2002		7.2	Bảy, hai	C22TA1	
2	2010130022	Lê Thị Lan Anh	30/09/2002		5	Năm	C22TA1	
3	2010030029	Trần Ngọc Hoài Bảo	27/04/2002		4.6	Bốn, sáu	C22DDT	
4	2010130015	Hồng Văn Chiến	20/06/2002		5.2	Năm, hai	C22TA1	
5	2010130035	Lê Đình Tiến Đạt	29/09/2002		5	Năm	C22TA1	
6	2010030013	Ngô Thành Đạt	06/12/2000		5.6	Năm, sáu	C22DDT	
7	2010130021	Quách Gia Di	11/11/2002		5.8	Năm, tám	C22TA1	
8	2010030015	Trần Võ Trường Giang	08/05/2002		7.4	Bảy, bốn	C22DDT	
9	2010130034	Phạm Thị Thu Hà	05/02/2000		4.8	Bốn, tám	C22TA1	
10	2010130039	Hà Lê Ngọc Hân	05/10/2001		5.8	Năm, tám	C22TA2	
11	2010130041	Võ Thị Hồng Huệ	03/07/2000		4.8	Bốn, tám	C22TA2	
12	2010030033	Lương Chánh Hưng	21/12/2002		7.4	Bảy, bốn	C22DDT	
13	2010130037	Nguyễn Thị Như Huyền	07/03/2002		6.6	Sáu, sáu	C22TA2	
14	2010030014	Lê Hoàng Khải	01/11/2002		4.2	Bốn, hai	C22DDT	
15	2010030011	Nguyễn Lý Khang	16/03/2002		7	Bảy	C22DDT	
16	2010030018	Nguyễn Đông Khoa	19/12/2002		5.8	Năm, tám	C22DDT	
17	2010130049	Hoàng Đăng Khôi	27/12/2000		6.2	Sáu, hai	C22TA2	
18	2010130028	Bào Khôi	25/08/1999		6.2	Sáu, hai	C22TA1	
19	2010130042	Nguyễn Hoàng Khương	23/12/2001		7	Bảy	C22TA2	
20	2010130011	Nguyễn Tuấn Kiệt	08/08/2002		6.2	Sáu, hai	C22TA1	
21	2010030007	Võ Tuấn Kiệt	01/07/2002		6	Sáu	C22DDT	
22	2010130030	Nguyễn Trần Long Kim	02/08/2002		5.2	Năm, hai	C22TA1	
23	2010130019	Phan Thị Chúc Linh	20/11/2000		6.6	Sáu, sáu	C22TA1	
24	2010130003	Phan Nguyễn Trúc Linh	16/12/2000		5.8	Năm, tám	C22TA1	
25	2010030026	Trương Quốc Lượng	04/09/2002		6.2	Sáu, hai	C22DDT	
26	2010130018	Nguyễn Thị Thu Mai	18/02/2002		5.2	Năm, hai	C22TA1	
27	2010130032	Nguyễn Thị Trúc Mai	25/06/2002		4.6	Bốn, sáu	C22TA1	
28	2010130052	Nguyễn Quỳnh Phương Nghi	23/09/2002		5.4	Năm, bốn	C22TA2	
29	2010130001	Trần Trọng Nghĩa	24/02/1999		7.4	Bảy, bốn	C22TA1	
30	2010030017	Nguyễn Trung Nguyên	05/02/2002		5.6	Năm, sáu	C22DDT	
31	2010130027	Huỳnh Hiếu Nhi	09/03/2002		5.4	Năm, bốn	C22TA1	
32	2010130051	Huỳnh Ngọc Yến Nhi	23/09/2002		5.8	Năm, tám	C22TA2	
33	2010030002	Trần Minh Nhựt	13/12/2002		4.4	Bốn, bốn	C22DDT	
34	2010030019	Nguyễn Trường Phi	10/11/2002		7.6	Bảy, sáu	C22DDT	
35	2010030008	Trần Hoài Phong	24/04/2002		6	Sáu	C22DDT	
36	2010130020	Nguyễn Trương Kim Phước	26/09/2002		6.4	Sáu, bốn	C22TA1	
37	2010130008	Nguyễn Hoàng Kim Quyên	17/11/1996		7.8	Bảy, tám	C22TA1	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 37

Số sinh viên đạt: 37

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Pháp luật - MH1109015

Mã lớp học phần: MH110901502

Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Võ Văn Nhân

Ngày thi: 05/04/2021

Giờ thi: 09h30

Phòng thi: PM 1

Giám thị 1: Nguyễn Tiến Dũng Ký tên: 

Giám thị 2: Châu Lê Sơn Ký tên: 

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010030009	Đặng Văn Quý	01/12/2002					C22DDT	
2	2010130017	Nguyễn Ngọc Thảo	26/05/2002					C22TA1	
3	2010030016	Lê Tấn Tài	19/10/2002					C22DDT	
4	2010030027	Nguyễn Tấn Tài	15/01/2002					C22DDT	
5	2010130024	Ngô Lê Tâm	12/04/2002					C22TA1	
6	2010030010	Đặng Minh Tân	09/08/2002					C22DDT	
7	2010130048	Nguyễn Thị Hồng	19/05/2002					C22TA2	
8	2010030006	Nguyễn Hoàng	04/06/2001					C22DDT	
9	2010130031	Hoàng Thị Yến	30/05/2002					C22TA2	
10	2010130026	Nguyễn Văn Long	03/09/2002					C22TA1	
11	2010030028	Nguyễn Văn	08/02/2002					C22DDT	
12	2010030012	Nguyễn Trọng	29/08/2002					C22DDT	
13	2010130016	Nguyễn Thị Quyền	25/06/2002					C22TA1	
14	2010030032	Phan Thị Quế	27/10/2002					C22DDT	
15	2010030031	Lê Quốc	04/01/2002					C22DDT	
16	2010130005	Nguyễn Ngọc	13/10/2001					C22TA1	
17	2010030004	Trần Thiên	18/10/2002					C22DDT	
18	2010130050	Huỳnh Trần Thái	13/04/2002					C22TA2	
19	2010030003	Hồ Phúc	24/04/2002					C22DDT	
20	2010130045	Lê Anh	15/06/2002					C22TA2	
21	2010130044	Lê Thảo	15/06/2002					C22TA2	
22	2010130009	Trần Phi	15/09/2001					C22TA1	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 21 vắng thi: 1 . Số bài thi/Số tờ: 21 / 21 .

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Pháp luật - MH1109015

Mã lớp học phần: MH110901502

Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Võ Văn Nhân

Ngày thi: 05/04/2021

Giờ thi: 09h30

Phòng thi: PM 3

Giám thị 1: NT Nguyệt Hoa Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: Lê Văn Sơn Ký tên: [Signature]

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010130022	Lê Thị Lan Anh	30/09/2002	[Signature]				C22TA1	
2	2010130013	Nguyễn Thị Minh Anh	09/05/2002	[Signature]				C22TA1	
3	2010030029	Trần Ngọc Hoài Bảo	27/04/2002	[Signature]				C22DDT	
4	2010130015	Hồng Văn Chiến	20/06/2002	[Signature]				C22TA1	
5	2010130021	Quách Gia Dĩ	11/11/2002	[Signature]				C22TA1	
6	2010130035	Lê Đình Tiến Đạt	29/09/2002	[Signature]				C22TA1	
7	2010030013	Ngô Thành Đạt	06/12/2000	[Signature]				C22DDT	
8	2010030015	Trần Võ Trường Giang	08/05/2002	[Signature]				C22DDT	
9	2010130034	Phạm Thị Thu Hà	05/02/2000	[Signature]				C22TA2	
10	2010130039	Hà Lê Ngọc Hân	05/10/2001	[Signature]				C22TA2	
11	2010130041	Võ Thị Hồng Huệ	03/07/2002	[Signature]				C22TA2	
12	2010130037	Nguyễn Thị Như Huyền	07/03/2002	[Signature]				C22TA2	
13	2010030033	Lương Chánh Hưng	21/12/2002	[Signature]				C22DDT	
14	2010030011	Nguyễn Lý Khang	16/03/2002	[Signature]				C22DDT	
15	2010030014	Lê Hoàng Khải	01/11/2002	[Signature]				C22DDT	
16	2010030018	Nguyễn Đông Khoa	19/12/2002	[Signature]				C22DDT	
17	2010130028	Bảo Khôi	25/08/1999	[Signature]				C22TA2	
18	2010130049	Hoàng Đăng Khôi	27/12/2000	[Signature]				C22TA2	
19	2010130042	Nguyễn Hoàng Khương	23/12/2001	[Signature]				C22TA2	
20	2010130011	Nguyễn Tuấn Kiệt	08/08/2002	[Signature]				C22TA1	
21	2010030007	Võ Tuấn Kiệt	01/07/2002	[Signature]				C22DDT	
22	2010130030	Nguyễn Trần Long Kim	02/08/2002	[Signature]				C22TA2	
23	2010130003	Phan Nguyễn Trúc Linh	16/12/2000	[Signature]				C22TA1	
24	2010130019	Phan Thị Chúc Linh	20/11/2000	[Signature]				C22TA1	
25	2010030026	Trương Quốc Lượng	04/09/2002	[Signature]				C22DDT	
26	2010130018	Nguyễn Thị Thu Mai	18/02/2002	[Signature]				C22TA1	
27	2010130032	Nguyễn Thị Trúc Mai	25/06/2002	[Signature]				C22TA2	
28	2010130052	Nguyễn Quỳnh Phương Nghi	23/09/2002	[Signature]				C22TA2	
29	2010130001	Trần Trọng Nghĩa	24/02/1999	[Signature]				C22TA1	
30	2010030017	Nguyễn Trung Nguyên	05/02/2002	[Signature]				C22DDT	
31	2010130027	Huỳnh Hiếu Nhi	09/03/2002	[Signature]				C22TA2	
32	2010130051	Huỳnh Ngọc Yến Nhi	23/09/2002	[Signature]				C22TA2	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2010130010	Phạm Thị Nguyệt Nhi	13/07/2001					C22TA1	
34	2010030002	Trần Minh Nhật	13/12/2002					C22DDT	
35	2010030019	Nguyễn Trường Phi	10/11/2002					C22DDT	
36	2010030008	Trần Hoài Phong	24/04/2002					C22DDT	
37	2010130020	Nguyễn Trương Kim Phước	26/09/2002					C22TA1	
38	2010130008	Nguyễn Hoàng Kim Quyên	17/11/1996					C22TA1	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : _____ vắng thi: _____, Số bài thi/Số tờ: _____/_____.

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)